TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST
Ngày: 21 - 5 - 2021
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Lan.

2. Ông Võ Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩnh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hoá.

Trong ngày 20, 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 26/2021/TLST-DS ngày 01/3/2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Thanh H, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện TH, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp N, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An.

(Ông H có mặt; bà D vắng mặt không có lý do đã được triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Thanh Hùng thể hiện như sau:

Vào ngày 18/11/2020 bà Phạm Thị D có vay của ông H số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Khi vay có lập giấy nợ do bà D viết nội dụng, ký tên và giao cho ông H giữ. Hai bên thỏa thuận cho vay

không có lãi, bà D hẹn đến ngày 19/01/2021 sẽ trả cho ông H. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ bà D không trả, mà cố tình né tránh và có lời lẽ thách thức ông H, đến nay ông H đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà D vẫn không trả.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu bà D có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của bà Phạm Thị D đối với yêu cầu khởi kiện của ông H: Bà D thừa nhận có vay và nợ ông Trịnh Thanh H số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), nhưng số nợ này xuất phát từ số nợ mà trước đó vào ngày 20/10/2019 bà D vay của ông H 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu đồng), vay với lãi suất quá cao là 18%/tháng (mỗi triệu ngày 6.000 đồng) nên bà D đóng lãi cho ông H thường trễ hạn, nhưng bà D đã đóng đủ đến ngày 31/3/2020. Trong quá trình vay, ông H có lời lẽ hăm dọ bà D. Ông H đã khởi kiện bà D đã được Tòa án giải quyết theo Quyết định số 24/2020/QĐST-DS ngày 28/4/2020 và đã được thi hành án theo Quyết định số 747/QĐ-CCTHADS ngày 26/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, bà D đã trả được cho ông H 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Nay bà D yêu cầu tính lại lãi suất mà bà đã trả cho ông H trước đây theo quy định của pháp luật còn thừa bao nhiêu thì trừ vào vốn. Số tiền còn lại, do hoàn cảnh khó khăn nên bà D xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) đến khi hết nợ và xin không tính lãi.

Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Giấy nợ 18/11/2020 do bà D viết nội dung và ký tên (bản chính).

- Chứng cứ do bị đơn: Bản tường trình ngày 19/3/2021; Bản tự khai ngày 16/4/2021; Các giấy ghi lại số tiền lãi mà bà D trả cho ông H ngày 20/10/2019, 30/11/2019, 06/12/2019, 11/12/2019,16/12/2019, 17/12/2019, 26/12/2019 (bản phô tô).

- Chứng cứ do Tòa án thu thập: Không có.

- Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp chứng cứ nào khác ngoài những chứng cứ đã cung cấp được công khai trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ.

Các tình tiết của vụ án:

Tình tiết thống nhất: Bà D và ông H thống nhất số nợ bà D nợ ông H là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Tình tiết không thống nhất: Bà D cho rằng, số nợ này xuất phát từ số nợ mà trước đó vào ngày 20/10/2019 bà D vay của ông H 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), vay với lãi suất quá cao là 18%/tháng (mỗi triệu ngày 6.000 đồng) nên bà D đóng lãi cho ông H thường trễ hạn, nhưng đã đóng đủ đến ngày 31/3/2020. Trong quá trình vay, ông H có lời lẽ hăm dọ bà D. Ông H đã khởi kiện bà D đã được Tòa án giải quyết theo Quyết định số 24/2020/QĐST-DS ngày 28/4/2020 và đã được thi hành án theo Quyết định số 747/QĐ-CCTHADS ngày 26/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, bà D đã trả được cho ông H 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Nay bà D yêu cầu tính lại lãi suất mà bà đã trả cho ông H trước đây theo quy định của pháp luật còn thừa bao nhiêu thì trừ vào vốn. Số tiền còn lại do hoàn cảnh khó khăn bà D xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) đến khi hết nợ và xin không tính lãi. Ngược lại, ông H xác định đây là số tiền bà D mới mượn và lập giấy nợ ngày 18/11/2020 không liên quan gì đến số nợ trước đây nữa nên yêu cầu bà D phải trả đủ số tiền trên và trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án sau khi thụ lý vụ án, đã mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông H cùng với D tự thỏa thuận với nhau về cách giải quyết toàn bộ vụ án nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết**:** Xét quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản chịu sự điều chỉnh của Bộ luật Dân sự, bị đơn bà Phạm Thị D cư trú tại huyện TH, tỉnh Long An và hiện đang có mặt tại địa phương nên theo quy định tại các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa.

[2] Về thời hiệu khởi kiện và thời điểm phát sinh quyền khởi kiện: Hợp đồng vay tiền được ký kết và thực hiện từ ngày 18/11/2020 cho vay không có lãi

suất, thời hạn trả nợ là ngày 19/01/2021. Do vậy, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Trong quá trình thực hiện khi đến hạn trả nợ bà D không trả tiền cho ông H, mặc dù ông H đã đòi nhiều lần là vi phạm hợp đồng. Ông H thực hiện việc khởi kiện là đúng với quyền của ông theo quy định tại khoản 2 Điều 469 và còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[3] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Đối với bà Phạm Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của Điều 177 Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D.

[4] Xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Ông H khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị D trả cho ông H số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi và yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông H cung cấp giấy nợ viết tay do bà D viết cho ông H thể hiện nội dung bà D mượn ông H số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), hẹn ngày 19/01/2021 trả. Qua giấy nợ này, kết hợp với lời khai của ông H và lời thừa nhận nợ của bà D có đủ căn cứ để xác định bà D có vay của ông H số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) là đúng và có thật, không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Đ 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do sau khi vay đến hạn trả nợ bà D đã không trả nợ cho ông H theo thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H, do đó ông H khởi kiện đòi lại tài sản cho vay để bảo vệ quyền lợi cho mình là phù hợp theo quy định tại Điều 11 Bộ luật Dân sự.

Về lãi suất: Khi cho vay, hai bên thỏa thuận không tính lãi, đến hạn trả nợ bà D không trả nợ cho ông H theo thỏa thuận nên ông H được quyền yêu cầu tính lãi chậm trả, nhưng ông H không yêu cầu nên không xem xét. Đối với bà D có cung cấp cho Tòa án các giấy ghi lại việc trả lãi cho ông H và yêu cầu tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật, còn dư bao nhiêu thì trừ vào tiền gốc. Tuy nhiên qua xem xét các chứng cứ do ông H là Quyết định công nhân sự thỏa thuận số 24/2020/QĐST-DS ngày 28/4/2020 và bộ hồ sơ thi hành án kèm theo

Quyết định thi hành án số 747/QĐ-CCTHADS ngày 26/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, các giấy ghi tiền lãi do bà D cung cấp thể hiện khoản nợ giữa bà D và ông H mà bà D trình bày là của năm 2019 các bên đã có tranh chấp, đã dược Tòa án giải quyết và được thi hành án, các bên đã thỏa thuận thi hành án xong và đã đình chỉ thi hành án theo quyết định số 07/QĐ-CCTHADS ngày 19/11/2020. Ông H khởi kiện bà D là khoản nợ 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) theo giấy nợ ngày 18/11/2020 là khoản nợ mới, độc lập không liên quan gì đến các khoản nợ trước đó giữa bà D và ông H. Mặt khác, trước đó trong quá trình giải quyết đối với khoản nợ mà bà D nợ ông H vào năm 2019, bà D không có tranh chấp gì về tiền lãi với ông H. Do đó các chứng cứ về trả lãi và yêu cầu xem xét tính lại tiền lãi của bà D là không có căn cứ và cũng không liên quan trong vụ án này.

Đối với yêu cầu trả dần của bà D không được ông H đồng ý nên không căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích, đánh giá nói trên Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Thanh H tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Phạm Thị D là có căn cứ và được chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự, trường hợp người có nghĩa vụ trả tiền chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[6] Về án phí: Bà Phạm Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của ông Trịnh Thanh H được chấp nhận, ông H không phải chịu án phí được quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 11, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 20 Luật phí, lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Thanh H đối với bà Phạm Thị D về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc bà Phạm Thị D có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Thanh H số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

- Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, nếu người có nghĩa vụ trả tiền chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị D phải chịu 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước (chưa nộp). Hoàn lại cho ông Trịnh Thanh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003705 ngày 01/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn; bị đơn được quyền kháng cáo toàn bộ bản án. Đương sự có mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

4. Về công tác thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Đã ký

Phan Đình Ngân